



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIẤY VIỆT TRÌ**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	14 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trì, theo Quyết định số 1700/QĐ - BCN ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 3 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	13.630.000.000	29,00 %
Nguyễn Văn Hiên	3.760.380.000	8,00 %
Nguyễn Thanh Sơn	3.154.770.000	6,71 %
Công ty TNHH Tân Phú Cường	1.745.520.000	3,71 %
Nguyễn Nam Khánh	872.760.000	1,86 %
Nguyễn Duy Hưng	872.760.000	1,86 %
Ngô Thị Thu Hương	532.190.000	1,13 %
Nguyễn Hồng Hà	443.100.000	0,94 %
Khổng Minh Trì	296.830.000	0,63 %
Nguyễn Thị Bích Ngọc	50.000.000	0,11 %
Các cổ đông khác	21.641.690.000	46,05 %
Cộng	47.000.000.000	100,00 %

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : (0210) 3 862 761

Fax : (0210) 3 862 754

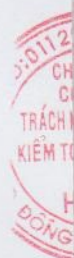
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 7 2 8 4

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).



Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	05 tháng 9 năm 2008
Ông Khổng Minh Trì	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008
Ông Nguyễn Hồng Hà	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008
Bà Ngô Thị Thu Hương	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Quốc Hải	Trưởng Ban	01 tháng 10 năm 2008
Bà Đỗ Thị Chiến	Thành viên	01 tháng 10 năm 2008
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên	01 tháng 10 năm 2008

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám Đốc	05 tháng 9 năm 2008
Ông Khổng Minh Trì	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2008
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2008

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và

Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện

Ngày 20 tháng 03 năm 2012



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 89/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2012, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

C. H. H. H.
H. H. H. H.
H. H. H. H.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Khoản nợ gốc và lãi dài hạn phải trả Bộ Tài chính do Bộ Tài chính bảo lãnh khoản nợ nước ngoài về mùa máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm đang được quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) thành đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá tại thời điểm nhận nợ (31/12/2004) là 15.717 VND/USD (xem thêm các thuyết minh V.12, 17, 19, 20).

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

A blue ink signature of the auditor.

Hồ Xuân Hà

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1603/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		397.462.565.689	301.373.453.815
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.581.072.369	6.366.556.331
1. Tiền	111		4.581.072.369	6.366.556.331
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.128.530.576	40.629.600.550
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	137.741.147.212	38.749.116.889
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.242.506.800	1.657.025.562
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	794.876.564	223.458.099
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(650.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		252.539.176.681	250.009.657.537
1. Hàng tồn kho	141	V.6	252.539.176.681	250.009.657.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.786.063	4.367.639.397
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.220.626.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	213.786.063	147.012.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.137.019.489	381.409.891.389
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		312.802.741.386	339.922.544.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	304.752.870.669	339.188.151.804
<i>Nguyên giá</i>	222		598.346.360.486	598.866.752.524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(293.593.489.817)	(259.678.600.720)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	8.049.870.717	734.393.019
<i>Nguyên giá</i>	225		9.096.270.911	1.426.603.484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.046.400.194)	(692.210.465)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		37.334.278.103	41.487.346.566
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	36.820.752.503	41.423.346.566
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	513.525.600	64.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		747.599.585.178	682.783.345.204

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		691.236.151.919	627.573.811.627
I. Nợ ngắn hạn	310		444.790.774.862	347.493.484.408
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	251.287.570.203	180.457.414.108
2. Phải trả người bán	312	V.13	149.854.639.619	130.153.089.727
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	715.665.101	5.916.126.964
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	7.683.608.784	1.079.922.626
5. Phải trả người lao động	315		8.823.436.393	9.728.813.303
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.818.453.322	1.268.067.090
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	24.266.213.952	18.876.487.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	341.187.488	13.563.582
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		246.445.377.057	280.080.327.219
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	32.218.158.444	36.820.752.506
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	213.005.532.674	242.514.863.749
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	1.221.685.939	744.710.964
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.363.433.259	55.209.533.577
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	56.363.433.259	55.209.533.577
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		47.000.000.000	47.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		523.279.346	131.423.861
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.840.153.913	8.078.109.716
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		747.599.585.178	682.783.345.204

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Lê Thị Minh Loan

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	973.354.848.356	724.015.813.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.362.554.261	1.219.120.272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		969.992.294.095	722.796.693.227
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	878.771.506.889	656.249.334.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.220.787.206	66.547.358.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	120.331.609	141.581.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57.579.193.185	38.249.821.959
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.124.368.472	37.097.546.341
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	12.604.021.191	10.358.432.436
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.119.539.468	7.926.599.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.038.364.971	10.154.086.282
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.394.009.781	1.191.111.826
12. Chi phí khác	32	VI.8	556.078.003	402.563.464
13. Lợi nhuận khác	40		1.837.931.778	788.548.362
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.876.296.749	10.942.634.644
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.036.142.836	2.864.524.928
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.840.153.913</u>	<u>8.078.109.716</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.881</u>	<u>1.719</u>

Người lập biểu

Lê Thị Minh Loan

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.876.296.749	10.942.634.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.856.361.117	32.110.796.613
- Các khoản dự phòng	03	650.000.000	(135.607.100)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(446.952.605)	(377.272.726)
- Chi phí lãi vay	06	56.124.368.472	37.097.546.341
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	104.060.073.733	79.638.097.772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(95.995.076.692)	55.870.526.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.529.519.144)	(95.073.177.041)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	16.586.283.943	23.239.380.192
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.602.594.063	4.809.318.445
- Tiền lãi vay đã trả	13	(51.252.057.472)	(37.097.546.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.595.943.933)	(2.542.617.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	71.764.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(993.155.925)	(115.276.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.116.801.427)	28.800.468.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.744.150.530)	(37.397.865.128)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	454.545.455	377.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.289.605.075)	(37.020.592.402)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	528.198.515.698	382.917.712.855
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(484.020.710.478)	(366.397.792.519)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.856.980.200)	(351.924.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.699.902.480)	(4.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	34.620.922.540	11.467.996.336
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.785.483.962)	3.247.872.632
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	6.366.556.331	3.118.683.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	4.581.072.369	6.366.556.331

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Lê Thị Minh Loan

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
 - Kinh doanh và chế biến lâm sản;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
 - Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
 - Kinh doanh vận tải;
 - In và các dịch vụ liên quan đến in.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 686 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 676 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm (đối với TSCĐ mua sắm mới)</u>	<u>Số năm (đ/v TSCĐ đánh giá lại khi CPH)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	01 - 15
Máy móc và thiết bị	05-07	01 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	01 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05	01 - 02

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài chính

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài chính là số lãi vay phát sinh từ số tiền nợ nước ngoài do Bộ Tài chính bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì) vay và đang được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo thời hạn trả nợ. Đơn vị đã nhận nợ với Bộ Tài chính theo "Biên bản đối chiếu số liệu nợ nước ngoài của Công ty Giấy Việt Trì vay đầu tư dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm" ngày 05 tháng 04 năm 2006. Tỷ giá được quy đổi khoản gốc và lãi vay bằng ngoại tệ thành đồng Việt Nam được tính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh - Quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

30
NHÀ
NG
LIỆM
IN V
TÀI
Ả N
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.